TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST
Ngày: 01-3-2021
V/v "tranh chấp tiền hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc *"Tranh chấp tiền hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 34/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1957 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Chí L (vắng mặt).

2. Bà Tạ Thị T2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T1 trình bày: Vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 bà Tạ Thị T2 vợ ông Nguyễn Chí L có mở một dây hụi, loại hụi 500.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 42 chân, ông tham gia chơi một chân hụi. Hụi

khui đến kỳ thứ 41 thì ông hốt hụi được số tiền 20.000.000 đồng, trừ tiền cò 250.000 đồng và tiền đóng 1 kỳ hụi 500.000 đồng, bà T2 phải giao hụi cho ông số tiền 19.250.000 đồng. Sau khi ông hốt hụi bà L giao cho ông 3 lần tổng cộng 4.300.000 đồng, bà T2 còn nợ ông 14.950.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Tạ Thị T2 và ông Nguyễn Chí L trả cho ông số tiền 14.950.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2020 bị đơn bà Tạ Thị T2 trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông T1 là đúng, bà có làm chủ hụi, ông T1 có tham gia chơi 01 chân hụi, loại hụi 500.000 đồng, ông T1 đã đóng hụi đầy đủ. Sau khi ông T1 hốt hụi thì bà giao tiền hụi cho ông T1 3 lần với số tiền 4.300.000 đồng. Bà đồng ý cùng chồng là ông nguyễn Chí L trả tiền theo yêu cầu của ông T1.

- Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 9 năm 2020 bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày: Quá trình vợ ông là bà Tạ Thị T2 làm chủ hụi và tham gia với các hụi viên ông hoàn toàn không biết. Quá trình bà T2 mở hụi ông và bà T2 chung sống với nhau như vợ chồng, thời gian khi bà T2 bể hụi ông mới biết việc bà T2 làm chủ hụi, bà T2 đã bỏ nhà đi. Đối với yêu cầu của các hụi viên ông không đồng ý cùng bà T2 trả tiền cho hụi viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quốc T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2 trả tiền hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp tiền hụi"* nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2.

[3] Xét thấy việc ông Nguyễn Quốc T1 có tham gia chơi hụi do bà Tạ Thị T2 làm chủ là có thật, việc này bà T2 đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2020. Ông T1 cho rằng cho rằng có tham gia chơi một chân hụi, loại hụi 500.000 đồng, ông hốt hụi sau khi trừ tiền cò và tiền hụi chết phải đóng lại bà T2 phải giao cho ông số tiền 19.250.000 đồng, bà T2 đã giao cho ông 03 lần với số tiền 4.300.000 đồng còn nợ ông T1 số tiền 14.950.000 đồng. Xét thấy việc bà T2 có nợ tiền hụi ông T1 số tiền 14.950.000 đồng là có thật, vì tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2020 bà T2 đã thừa nhận có thiếu tiền hụi ông T1 đúng như ông T1 trình bày và đồng ý cùng chồng là ông Nguyễn Chí L trả tiền cho ông T1. Do đó, ông T1 yêu cầu bà T2 trả số tiền 14.950.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Chí L cho rằng việc bà T2 làm chủ hụi không liên quan đến ông nên ông không có nghĩa vụ trả nợ cho các hụi viên. Xét thấy, việc bà T2 làm chủ hụi trong thời gian dài và khui hụi tại nhà bà T2 và ông L nên ông L cho rằng không biết bà T2 làm chủ hụi là không có cơ sở; giữa ông L và bà T2 không có văn bản thỏa thuận việc bà T2 làm chủ hụi là giao dịch riêng của vợ chồng, bà T2 nợ ông T1 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T2 và ông L nên là nợ chung của vợ chồng nên ông L phải có nghĩa vụ cùng bà T2 trả tiền cho ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T1 về việc yêu cầu ông L cùng bà T2 trả số tiền 14.950.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T1 không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Chí L, bà Tạ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 747.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường và Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1. Buộc ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc T1 số tiền 14.950.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 747.500 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí L và bà Tạ Thị T2 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều